TRUNG TÂM CÔNG BÁO VÀ TIN HỌC
ttcbth@quangngai.gov.vn
14/05/2026 10:35:13 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 183 /KH-UBND	*Quảng Ngãi, ngày 14 tháng 5 năm 2026*

KẾ HOẠCH
Triển khai thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2035 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Căn cứ Nghị quyết 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội khóa XV phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035;

Căn cứ Nghị quyết số 424/2025/NQ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 257/2025/NQ-QH15 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035;

Căn cứ Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 14/2026/TT-BNNMT ngày 27/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn thực hiện một số nội dung tiêu chí, điều kiện thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi khóa XIII kỳ họp thứ 7 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030;

Căn cứ Công văn số 2604/UBND-NNMT ngày 31/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030;

Căn cứ Thông báo số 719/TB-BNNMT ngày 26/11/2025 ý kiến chỉ đạo của Bộ trưởng Trần Đức Thắng về phát triển sản phẩm OCOP và Du lịch nông thôn giai đoạn 2021-2025, định hướng giai đoạn 2026-2030.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Thực hiện có hiệu quả Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035 trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi tắt là Chương trình OCOP) để hoàn thành nhiệm vụ, mục tiêu xây dựng nông thôn mới; tập trung phát triển các sản phẩm có thương hiệu, theo chuỗi giá trị dựa trên thế mạnh, lợi thế về nguyên liệu của địa phương, văn hóa và tri thức bản địa nhằm phát huy nội lực, sức sáng tạo, hình thành chuỗi giá trị sản phẩm hàng hóa gắn với cộng đồng theo hướng kinh tế tuần hoàn, bảo đảm hệ sinh thái bền vững.

- Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, đặc biệt là cấp xã trong triển khai thực hiện chương trình, tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động. Phát huy tính chủ động, năng động, sáng tạo, tinh thần hợp tác của các chủ thể và cộng đồng để thực hiện có hiệu quả Chương trình OCOP trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu

- Bám sát quan điểm, mục tiêu Chương trình OCOP của Trung ương và thực tế tại địa phương, xác định rõ nội dung, nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm để triển khai thực hiện chương trình.

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, phân công rõ trách nhiệm của các sở, ngành, địa phương, nhất là cấp xã trong việc triển khai thực hiện Chương trình OCOP trên địa bàn tỉnh.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển sản phẩm OCOP nhằm khơi dậy tiềm năng, lợi thế khu vực nông thôn nhằm nâng cao thu nhập cho người dân; góp phần tiếp tục cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với phát triển tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề, dịch vụ và du lịch nông thôn; thúc đẩy kinh tế nông thôn phát triển bền vững, trên cơ sở tăng cường ứng dụng chuyển đổi số và kinh tế tuần hoàn, bảo tồn các giá trị văn hóa, quản lý tài nguyên, bảo tồn đa dạng sinh học, cảnh quan và môi trường nông thôn, góp phần xây dựng nông thôn mới đi vào chiều sâu, hiệu quả và bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu giai đoạn 2026-2030

- *Về phát triển sản phẩm OCOP*

+ Duy trì các sản phẩm OCOP đã đạt từ 3 sao trở lên giai đoạn 2021-2025[1]; phấn đấu nâng hạng khoảng 50% sản phẩm đạt 4 sao trở lên.

+ Phấn đấu công nhận 300 sản phẩm OCOP mới[2] đạt từ 3 sao trở lên, trong đó có ít nhất 07 sản phẩm OCOP tiềm năng đạt chuẩn 5 sao, 50 sản phẩm đạt chuẩn 4 sao, còn lại là sản phẩm đạt chuẩn 3 sao.

---

[1] Trong giai đoạn 2021-2025 (tính đến 31/12/2025), tỉnh Quảng Ngãi có 619 sản phẩm OCOP còn thời hạn: gồm 02 sản phẩm đạt OCOP 5 sao, 57 sản phẩm đạt 4 sao và 560 sản phẩm đạt 3 sao; có 310 chủ thể có sản phẩm đạt OCOP (Trong đó có: 97 Hợp tác xã, 51 doanh nghiệp, 159 cơ sở sản xuất/hộ kinh doanh, 03 Tổ hợp tác).

[2] Không tính các sản phẩm OCOP đạt từ 3 sao trở lên được cấp thẩm quyền công nhận trong giai đoạn 2021-2025.

- *Về phát triển chủ thể OCOP*

+ Có ít nhất 50% chủ thể OCOP có sản phẩm đạt 3 sao trở lên là hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa.

+ Có ít nhất 50% chủ thể là người phụ nữ, đồng bào dân tộc thiểu số, người khuyết tật (nếu có) điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh giữ vững ổn định[3].

+ Có ít nhất 70% chủ thể OCOP xây dựng được vùng nguyên liệu và có liên kết ổn định[4].

+ Có ít nhất 20-30% chủ thể OCOP tham gia vào các kênh bán hàng hiện đại (hệ thống siêu thị, cửa hàng tiện lợi, sàn giao dịch thương mại điện tử...); tiếp tục củng cố, duy trì các điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP.

+ Có ít nhất 10% làng nghề truyền thống có sản phẩm OCOP, góp phần bảo tồn và phát triển làng nghề truyền thống của tỉnh.

b) Định hướng đến năm 2035

- *Về phát triển sản phẩm OCOP*

+ Củng cố, duy trì và nâng cao chất lượng các sản phẩm đã được cấp thẩm quyền công nhận sao OCOP giai đoạn 2026-2030; phấn đấu nâng hạng khoảng 55% sản phẩm đạt 4 sao trở lên.

+ Phấn đấu công nhận ít nhất 400 sản phẩm OCOP mới[5] đạt từ 3 sao trở lên, trong đó có ít nhất 15 sản phẩm OCOP tiềm năng đạt chuẩn 5 sao, 75 sản phẩm đạt chuẩn 4 sao, còn lại là sản phẩm đạt chuẩn 3 sao.

- *Về phát triển chủ thể OCOP*

+ Có ít nhất 55% chủ thể OCOP có sản phẩm đạt 3 sao trở lên là hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa.

+ Có ít nhất 60% chủ thể là người phụ nữ, đồng bào dân tộc thiểu số, người khuyết tật (nếu có) điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh giữ vững ổn định.

+ Có ít nhất 80% chủ thể OCOP xây dựng được vùng nguyên liệu và có liên kết ổn định, hình thành nền sản xuất nông nghiệp mang đậm nét văn hóa OCOP, các tiêu chí OCOP trở thành phổ biến, cơ sở sản xuất tự ý thức, tự giác thực hiện Chương trình OCOP vì quyền lợi của chính cơ sở.

+ Có ít nhất 40% chủ thể OCOP tham gia vào các kênh bán hàng hiện đại (hệ thống siêu thị, cửa hàng tiện lợi, sàn giao dịch thương mại điện tử...); tiếp tục củng cố, duy trì các điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP.

+ Có ít nhất 20% làng nghề truyền thống có sản phẩm OCOP, góp phần bảo tồn và phát triển làng nghề truyền thống của tỉnh.

---

[3] Trong giai đoạn 2021-2025, chủ thể OCOP có sản phẩm đạt 3 sao trở lên là hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa có 148 chủ thể (chiếm 47,74%); Tỷ lệ chủ thể là người phụ nữ, đồng bào dân tộc thiểu số, người khuyết tật (nếu có) điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh giữ vững ổn định có 137 chủ thể (chiếm 44,19%).

[4] Trung ương quy định về mục tiêu chủ thể OCOP xây dựng được vùng nguyên liệu và có liên kết ổn định đạt tối thiểu 70% đến hết năm 2030.

[5] Không tính các sản phẩm OCOP đạt từ 3 sao trở lên được cấp thẩm quyền công nhận trong giai đoạn 2026-2030.

III. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN

1. Phạm vi, thời gian thực hiện

a) Phạm vi về không gian: Chương trình OCOP được triển khai trên địa bàn nông thôn của tỉnh; khuyến khích phát triển các sản phẩm trên địa bàn các phường, đặc khu.

b) Phạm vi về thời gian: Chương trình OCOP được triển khai thực hiện đến hết năm 2030.

2. Đối tượng thực hiện

a) Chủ thể thực hiện: Các hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp, trang trại và hộ sản xuất có đăng ký kinh doanh. Đối với nhóm sản phẩm dịch vụ du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái và điểm du lịch, chủ thể bao gồm: Các chủ thể trên và hội/hiệp hội, trung tâm điều hành hoặc tổ chức tương đương.

b) Sản phẩm: Gồm các sản phẩm hàng hóa và dịch vụ du lịch có nguồn gốc địa phương, có đặc trưng về giá trị văn hóa, lợi thế của địa phương; đặc biệt là các sản phẩm đặc sản vùng miền, sản phẩm làng nghề, dịch vụ du lịch dựa trên các thế mạnh, lợi thế về điều kiện tự nhiên, nguồn nguyên liệu, tri thức và văn hóa bản địa.

Sản phẩm được phân theo 6 nhóm, gồm:

+ Nhóm thực phẩm, gồm: Nông, thủy sản tươi sống; nông, thủy sản sản sơ chế, chế biến và các thực phẩm khác.

+ Nhóm đồ uống, gồm: Đồ uống có cồn; đồ uống không cồn.

+ Nhóm dược liệu và sản phẩm từ dược liệu, gồm: Sản phẩm chức năng, thuốc dược liệu, thuốc y học cổ truyền, mỹ phẩm có thành phần từ thảo dược, tinh dầu và dược liệu khác.

+ Nhóm hàng thủ công mỹ nghệ, gồm: Các sản phẩm từ gỗ, sợi tự nhiên, kim loại, gốm sứ, dệt may, thêu ren... làm đồ lưu niệm, đồ trang trí, đồ gia dụng.

+ Nhóm sinh vật cảnh, gồm: Hoa, cây cảnh, động vật cảnh.

+ Nhóm dịch vụ du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái và điểm du lịch.

c) Yêu cầu thực hiện

- Phát huy tiềm năng, lợi thế và truyền thống của địa phương để phát triển các sản phẩm đặc sản có giá trị cao về kinh tế và văn hóa.

- Phát huy sáng tạo và sức mạnh cộng đồng trong sản xuất và hình thành các sản phẩm gắn với giá trị cộng đồng.

- Phát triển liên kết theo chuỗi giá trị nhằm nâng cao năng lực sản xuất và phát triển bền vững các sản phẩm hàng hóa.

IV. NỘI DUNG VÀ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Tổ chức sản xuất gắn với quy hoạch và phát triển vùng nguyên liệu đặc trưng trên địa bàn tỉnh

- Ưu tiên đầu tư hợp lý cơ sở hạ tầng vùng nguyên liệu, dựa trên lợi thế về điều kiện tự nhiên, văn hóa, tập quán sản xuất của người dân khu vực nông thôn, đặc biệt là khu vực miền núi, đồng bào dân tộc, góp phần phát triển bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Phát triển sản phẩm OCOP gắn với xây dựng vùng nguyên liệu nông sản, dược liệu đặc trưng được cấp mã số vùng trồng, theo hướng sản xuất hữu cơ, nông nghiệp sinh thái, tiết kiệm tài nguyên, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, đảm bảo an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc, duy trì cảnh quan nông thôn và bảo vệ môi trường. Đối với địa phương ven biển, cần quan tâm các nhóm sản phẩm: hải sản chế biến, nước mắm truyền thống, sản phẩm từ rong biển, thủy sản khô, dịch vụ du lịch trải nghiệm gắn với đời sống ngư dân.

2. Chuẩn hóa và phát triển sản phẩm OCOP theo chuỗi giá trị, phù hợp với lợi thế về điều kiện sản xuất và yêu cầu thị trường

- Đẩy mạnh chuẩn hóa sản phẩm gắn với lợi thế và điều kiện của từng địa phương, bao gồm:

+ Các đặc sản, sản phẩm truyền thống gắn với lợi thế về điều kiện sản xuất, giá trị văn hóa địa phương, đặc biệt là sản phẩm các làng nghề, nghề truyền thống, dịch vụ du lịch nông thôn.

+ Các sản phẩm mới hình thành dựa trên ứng dụng khoa học công nghệ, nền tảng lợi thế của địa phương, có chất lượng nổi trội, đặc sắc, trong đó ưu tiên: (i) Sản phẩm tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề truyền thống được nghệ nhân, cộng đồng sáng tạo; (ii) Sản phẩm được chế biến, chế biến sâu từ sản phẩm đặc sản, nguyên liệu địa phương và tri thức bản địa; (iii) Sản phẩm có đóng góp vào bảo tồn văn hóa truyền thống.

+ Hướng dẫn chuẩn hóa quy trình, tiêu chuẩn sản phẩm tham gia Chương trình theo Bộ tiêu chí OCOP.

- Phát triển sản phẩm OCOP theo 6 nhóm sản phẩm, ưu tiên các sản phẩm nông nghiệp, phi nông nghiệp, dịch vụ đặc sắc, truyền thống và có lợi thế của địa phương, theo hướng phát huy nội lực (trí tuệ sáng tạo, lao động, nguyên liệu, văn hóa địa phương...), gia tăng giá trị, gắn với phát triển cộng đồng:

+ Đầu tư ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới, hoàn thiện công nghệ, quy trình sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến sản phẩm nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm OCOP.

+ Sản xuất theo quy trình quản lý chất lượng tiên tiến, hình thành các sản phẩm OCOP đặc trưng, chất lượng và an toàn thực phẩm, thân thiện với môi trường, đáp ứng yêu cầu của thị trường; xây dựng các mô hình phát triển vùng nguyên liệu gắn với sản phẩm OCOP theo chuỗi giá trị.

- Nâng cấp và hoàn thiện sản phẩm đã được đánh giá, phân hạng (đạt 3 sao trở lên) gắn với nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu.

- Nâng cao năng lực quản trị; kỹ năng đổi mới, sáng tạo về sản phẩm; quản lý chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm; tăng cường sử dụng và khai thác thương hiệu cộng đồng các sản phẩm nông thôn, ...

3. Phát triển sản phẩm OCOP gắn với du lịch nông thôn và bảo tồn văn hóa làng nghề

- Xây dựng và thực hiện chuẩn hóa các sản phẩm OCOP gắn với câu chuyện văn hóa, lịch sử, tri thức bản địa, hình thành *"câu chuyện sản phẩm"* phục vụ quảng bá du lịch; khuyến khích sáng tạo sản phẩm mới dựa trên di sản văn hóa vật thể, phi vật thể, lễ hội, nghề truyền thống, ẩm thực đặc trưng của từng địa phương.

- Xây dựng các điểm du lịch nông thôn, du lịch cộng đồng là một "sản phẩm OCOP" đạt từ 3 sao trở lên.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng bản đồ số làng nghề. Gắn phát triển OCOP với việc phục hồi lễ hội, tu bổ kiến trúc di tích và bảo tồn không gian văn hóa bản địa.

- Đầu tư hạ tầng đồng bộ tại các vùng nguyên liệu và điểm du lịch. Hình thành các trung tâm giới thiệu OCOP tại các khu du lịch và xây dựng các gói combo quà tặng lưu niệm cho du khách.

- Đào tạo nghệ nhân, truyền nghề cho lao động địa phương và có chính sách đặc thù hỗ trợ phụ nữ, thanh niên, người dân tộc thiểu số khởi nghiệp từ văn hóa truyền thống.

4. Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động cho các chủ thể OCOP

- Tăng cường nâng cao năng lực cho chủ thể OCOP về năng lực cộng đồng và tinh thần hợp tác; đổi mới hình thức tổ chức sản xuất, kỹ năng quản trị; đổi mới, sáng tạo về sản phẩm; quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm; kỹ năng về thiết kế bao bì, ghi nhãn và mẫu mã sản phẩm; sở hữu trí tuệ, truy xuất nguồn gốc theo chuỗi giá trị, tăng cường sử dụng và khai thác thương hiệu cộng đồng các sản phẩm từ khu vực nông thôn.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa gắn với chuỗi liên kết giá trị sản phẩm OCOP.

5. Đẩy mạnh hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm OCOP

- Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung - cầu cho sản phẩm OCOP thông qua các hội chợ, triển lãm, sự kiện tôn vinh, quảng bá, giới thiệu sản phẩm OCOP; thúc đẩy hệ thống thương mại điện tử, các kênh bán hàng trực tuyến (online) đặc biệt đối với các sản phẩm có quy mô nhỏ, sản phẩm đặc sản, đặc trưng.

- Gắn hoạt động quảng bá sản phẩm OCOP với các sự kiện văn hóa, thể thao, du lịch của tỉnh; hội chợ du lịch, lễ hội truyền thống, các sự kiện xúc tiến du lịch trong và ngoài tỉnh.

- Hình thành các điểm giới thiệu, trưng bày và bán sản phẩm OCOP tại các khu, điểm du lịch, cơ sở lưu trú, trung tâm thông tin du lịch, từng bước xây dựng sản phẩm OCOP trở thành sản phẩm quà tặng đặc trưng của Quảng Ngãi

6. Xây dựng, hoàn thiện hệ thống quản lý, giám sát sản phẩm OCOP

- Tổ chức đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP thường niên, tăng cường áp dụng công nghệ trong tổ chức đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP.

- Đẩy mạnh hoạt động kiểm tra việc duy trì điều kiện và chất lượng sản phẩm của các chủ thể, sản phẩm OCOP sau khi được đánh giá, công nhận; việc quản lý nhãn hiệu chứng nhận sản phẩm OCOP.

- Duy trì việc cập nhật thông tin sản phẩm OCOP trên Hệ thống quản lý và giám sát sản phẩm OCOP quốc gia nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả trong quản lý, giám sát, thúc đẩy kết nối cung cầu sản phẩm của tỉnh.

7. Nâng cao năng lực hệ thống hỗ trợ triển khai chương trình

- Tổ chức quản lý, giám sát mạng lưới tư vấn nhằm hình thành mạng lưới tư vấn Chương trình OCOP chuyên nghiệp, có kinh nghiệm, năng lực, đoàn kết, và thống nhất trong hỗ trợ triển khai Chương trình trên tỉnh.

- Tập trung đào tạo cấp chứng chỉ cho đội ngũ cán bộ quản lý các cấp chuyên sâu theo từng nhóm sản phẩm.

- Nâng cao năng lực hệ thống các cơ sở đào tạo nghề gắn với Chương trình OCOP; tăng cường đào tạo và nâng cao năng lực cho cán bộ nông nghiệp ở các địa phương.

- Thúc đẩy phong trào phụ nữ, thanh niên khởi nghiệp, hợp tác xã khởi nghiệp gắn với phát triển sản phẩm OCOP.

8. Đẩy mạnh việc áp dụng chuyển đổi số trong Chương trình OCOP

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong truyền thông; xây dựng hồ sơ và quản lý dữ liệu sản phẩm OCOP, số hóa quá trình tiếp nhận hồ sơ, chấm điểm, phân hạng sản phẩm; số hóa sản phẩm và xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc theo chuỗi giá trị sản phẩm OCOP.

- Thúc đẩy phát triển thương mại điện tử cho sản phẩm OCOP thông qua các sàn thương mại điện tử, các kênh bán hàng trực tuyến (online), bán hàng tương tác trực tiếp (livestream), đặc biệt cho các sản phẩm có quy mô nhỏ, sản phẩm đặc sản địa phương.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN: Từ nguồn vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035; vốn xã hội hóa; vốn lồng ghép từ các Chương trình, dự án khác và nguồn huy động hợp pháp khác.

VI. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức thường xuyên, liên tục thông qua các phương tiện thông tin đại chúng từ trung ương đến cấp xã, thôn; gắn kết và lồng ghép với hoạt động tuyên truyền trong xây dựng nông thôn mới.

- Tập trung nâng cao nhận thức, chuyển đổi tư duy cho các tổ chức kinh tế khu vực nông thôn, các cơ quan quản lý nhà nước, các đơn vị phân phối, người tiêu dùng thông qua các hội nghị triển khai Chương trình OCOP; đa dạng hóa các hình thức truyền thông, qua các cổng thông tin điện tử (website), truyền thông mạng xã hội, tạp chí, bản tin, chuyên đề, tài liệu (sổ tay, cẩm nang,...).

- Khuyến khích, hỗ trợ xây dựng các gói combo quà tặng, quà lưu niệm sản phẩm OCOP, gắn với lịch sử văn hóa quốc gia, vùng miền, địa phương.

2. Thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ triển khai Chương trình

- Triển khai thực hiện việc đánh giá, phân hạng và giám sát sản phẩm OCOP trên cơ sở Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình OCOP.

- Rà soát, ban hành nội dung, mức hỗ trợ Chương trình OCOP theo từng hạng sao; ưu tiên hỗ trợ các chủ thể phát triển sản phẩm, hướng dẫn, xây dựng hồ sơ sản phẩm; phát triển vùng nguyên liệu địa phương; xây dựng chuỗi giá trị; hỗ trợ cơ sở hạ tầng sản xuất, máy móc, thiết bị chế biến quy mô nhỏ và vừa phù hợp với điều kiện của địa phương; xây dựng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến; đào tạo nghề cho lao động và nâng cao năng lực cộng đồng; sở hữu trí tuệ; bao bì, nhãn mác, truy xuất nguồn gốc; xây dựng câu chuyện sản phẩm; hoạt động quảng bá, giới thiệu và xúc tiến thương mại; thương mại điện tử, thực tế ảo; khen thưởng sản phẩm OCOP; hỗ trợ tiếp cận các nguồn tín dụng; tổ chức đánh giá, phân hạng và giám sát sản phẩm OCOP.

- Rà soát, hoàn thiện tiêu chí, tiêu chuẩn, cơ chế hỗ trợ các điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP, trong đó ưu tiên xã hội hóa.

3. Tổ chức bộ máy và đào tạo nguồn nhân lực

- Kiện toàn, tổ chức hệ thống quản lý Chương trình OCOP theo hệ thống quản lý Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035 theo quy định; bảo đảm đồng bộ, thống nhất về chức năng, nhiệm vụ.

- Nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, triển khai Chương trình OCOP từ tỉnh đến cấp xã, gắn với bộ tài liệu, tập huấn Chương trình theo nhu cầu thực tiễn, phù hợp đối tượng.

- Đẩy mạnh đào tạo nâng cao năng lực quản trị, marketing, chuyển đổi số cho các chủ thể, đặc biệt là lãnh đạo HTX, DNVVN và các nhóm đối tượng ưu tiên (phụ nữ, thanh niên, người DTTS); Tổ chức các chương trình đào tạo nghề gắn với chuỗi giá trị sản phẩm OCOP tại địa phương, ưu tiên sử dụng lao động địa phương.

4. Tổ chức triển khai Chu trình OCOP thường niên linh hoạt, phù hợp với điều kiện, đặc điểm của sản phẩm

a) Tổ chức đăng ký, tiếp nhận hồ sơ tại xã, phường, đặc khu

- Nội dung: Căn cứ vào các sản phẩm đăng ký tham gia thực hiện Chương trình OCOP trên địa bàn; Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu đăng ký và tiếp nhận hồ sơ sản phẩm tham gia Chương trình OCOP của các cơ sở sản xuất; tổng hợp hồ sơ đủ điều kiện và nộp về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Trình tự đánh giá, phân hạng sản phẩm của Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu: Tổ chức đánh giá một số nội dung của Hồ sơ sản phẩm đăng ký tham gia đánh giá sản phẩm OCOP, bao gồm các tiêu chí sau: nguồn gốc sản phẩm/nguyên liệu địa phương; sử dụng lao động địa phương; nguồn gốc ý tưởng sản phẩm; bản

sắc/trí tuệ địa phương; căn cứ vào điều kiện và đặc điểm thực tế của địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức họp với các bộ phận liên quan để lấy ý kiến về các nội dung đánh giá, sau đó ban hành Báo cáo đánh giá của Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu về các tiêu chí trên. Tiếp nhận, kiểm tra thể thức hồ sơ do các chủ thể đăng ký và có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh đánh giá, phân hạng các sản phẩm trên địa bàn xã.

- Đơn vị thực hiện: Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu.

- Thời gian thực hiện: 2 đợt/năm, trong đó: 6 tháng tổ chức 1 lần (tùy theo tình hình thực tế).

b) Tổ chức, đánh giá sản phẩm cấp tỉnh

- Nội dung: Hội đồng đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP của tỉnh tổ chức đánh giá, phân hạng những sản phẩm do Ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị (cấp xã đánh giá đạt từ 3 sao trở lên) theo Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP.

- Đơn vị thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường; các Sở, ngành có liên quan; Ủy ban nhân dân cấp xã và chủ thể tham gia dự thi.

- Thời gian thực hiện: 2 đợt/năm, trong đó dự kiến:

+ Đợt 1: Tháng 7 hàng năm.

+ Đợt 2: Tháng 12 hàng năm.

(Tuỳ theo tình hình thực tế về số lượng hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp nhận, có thông báo về thời gian cụ thể sau).

5. Triển khai các ứng dụng khoa học công nghệ

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới, hoàn thiện công nghệ chế biến quy mô nhỏ và vừa, đặc biệt là các sản phẩm OCOP đã được công nhận.

- Hỗ trợ chuyển giao ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong sản xuất, kết nối thị trường, truy xuất nguồn gốc, nhất là ứng dụng công nghệ thông tin; khoa học xã hội và nhân văn trong phát triển sản phẩm OCOP gắn với du lịch nông thôn, bảo tồn giá trị văn hóa bản địa.

- Rà soát các tiêu chuẩn, quy chuẩn cho sản phẩm OCOP đáp ứng các quy định của thị trường trong nước và xuất khẩu; xây dựng nhóm tiêu chuẩn kỹ thuật phục vụ sản xuất và hoạt động giám sát, đánh giá sản phẩm OCOP.

- Thúc đẩy áp dụng các giải pháp về bảo hộ và khai thác hiệu quả giá trị tài sản trí tuệ (chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận) cho sản phẩm OCOP.

6. Tăng cường vai trò của cộng đồng trong phát triển sản phẩm OCOP

- Nâng cao vai trò của các hội/hiệp hội trong triển khai Chương trình OCOP, khai thác và phát triển sản phẩm của địa phương gắn với bảo tồn sản phẩm, kỹ năng truyền thống, danh tiếng của cộng đồng.

- Đẩy mạnh sự giám sát của cộng động về sản phẩm, chất lượng sản phẩm, phát triển vùng nguyên liệu, duy trì sự đặc sắc, nét văn hoá của các sản phẩm địa

phương; thúc đẩy sự tham gia và có cơ chế chia sẻ lợi ích phù hợp của cộng đồng vào trong sản xuất, chế biến sản phẩm OCOP, phát triển vùng nguyên liệu, sử dụng lao động địa phương.

7. Tăng cường công tác quảng bá, giới thiệu và xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu.

- Đẩy mạnh kêu gọi sự hỗ trợ về kỹ thuật, nguồn lực của các đối tác quốc tế trong các lĩnh vực chuyển đổi số; thúc đẩy cơ giới hóa trong phát triển sản phẩm OCOP; phát triển OCOP xanh theo hướng xuất khẩu, gắn với bảo tồn, phát triển bao trùm và bền vững (rừng, môi trường, cảnh quan,…); nghiên cứu, chia sẻ kinh nghiệm hỗ trợ phát triển và quảng bá sản phẩm OCOP trong và ngoài nước.

- Tham gia, tổ chức các sự kiện, diễn đàn cấp tỉnh, cấp khu vực về sản phẩm OCOP góp phần quảng bá, giới thiệu văn hóa, du lịch tỉnh Quảng Ngãi.

- Lựa chọn sản phẩm OCOP uy tín để xúc tiến thị trường nước ngoài, hướng tới xuất khẩu vào thị trường ngoài nước, tổ chức và hỗ trợ cho các doanh nghiệp tham gia hội chợ nước ngoài theo Chương trình xúc tiến Quốc gia hoặc của các nước có quan hệ hợp tác với Việt Nam để các doanh nghiệp tiếp cận thị trường và tìm kiếm đối tác. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị của Việt Nam tại các nước tổ chức kết nối, giao dịch thương mại tại nước ngoài.

- Xây dựng thí điểm các mô hình: "Phát triển chuỗi giá trị sản phẩm OCOP gắn với vùng nguyên liệu địa phương theo hướng kinh tế tuần hoàn, nông nghiệp hữu cơ", " Phát triển nhóm sản phẩm OCOP dịch vụ du lịch cộng đồng", "Phát triển OCOP xanh gắn với tiêu chuẩn xuất khẩu, quản lý tài nguyên và bảo tồn đa dạng sinh học" (đề xuất theo các Đề án thí điểm do Trung ương thực hiện).

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Là cơ quan thường trực của Chương trình; chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch triển khai Chương trình OCOP hàng năm. Thường xuyên tổ chức kiểm tra, đánh giá thực hiện Chương trình OCOP ở cấp xã (xã, phường, đặc khu); tổng hợp, tham mưu đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện chương trình. Định kỳ *(6 tháng, hàng năm[6])* tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

- Chủ trì, hướng dẫn các cơ quan, địa phương hỗ trợ các chủ thể áp dụng các quy định về bảo vệ môi trường phù hợp với Bộ tiêu chí OCOP.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh: Thành lập/Kiện toàn Hội đồng đánh giá, phân hạng sản phẩm tỉnh; tổ chức họp Hội đồng đánh giá, phân hạng các sản phẩm tham gia Chương trình OCOP; ban hành

[6] 6 tháng: trước ngày 20/6; hàng năm: trước ngày 20/12

Quyết định phê duyệt kết quả đánh giá và Giấy chứng nhận cho các sản phẩm đạt 3 sao đến 4 sao và công bố kết quả; ban hành Quyết định phê duyệt kết quả chấm điểm, chuyển hồ sơ và sản phẩm mẫu của các sản phẩm có tiềm năng đạt 5 sao (từ 90 đến 100 điểm) đề nghị cấp trung ương đánh giá, công nhận sản phẩm OCOP quốc gia.

- Hằng năm xây dựng dự toán kinh phí cho các nội dung công việc do ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện chương trình theo quy định, tổng hợp gửi Sở Tài chính để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn vốn từ nguồn kinh phí sự nghiệp để hỗ trợ thực hiện các nội dung thành phần của chương trình nông thôn mới, trong đó có Chương trình OCOP.

- Chủ trì, phối hợp với các sở ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan thực hiện công tác nâng hạng sản phẩm OCOP của tỉnh từ 4 sao lên sản phẩm có tiềm năng đạt OCOP 5 sao quốc gia.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ triển khai các giải pháp tăng cường chuyển đổi số trong Chương trình OCOP; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu, giám sát và quản lý sản phẩm OCOP.

- Chủ trì tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ triển khai Chương trình OCOP và các chủ thể tham gia Chương trình OCOP.

- Phối hợp với Sở Công Thương tổ chức hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại, kết nối cung - cầu sản phẩm OCOP.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ đề xuất tiêu chí, hình thức khen thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức thực hiện Chương trình OCOP; khen thưởng các chủ thể OCOP trên địa bàn tỉnh theo quy định.

- Thường xuyên tổ chức, kiểm tra giám sát, đánh giá kết quả triển khai Chương trình OCOP trên địa bàn tỉnh. Thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo định kỳ, đột xuất về cơ quan thường trực Chương trình OCOP cấp Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh,...

2. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các sở, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí hỗ trợ theo khả năng cân đối ngân sách để thực hiện Chương trình OCOP theo quy định.

- Phối hợp với các cơ quan chuyên môn, địa phương, hướng dẫn đăng ký lồng ghép nguồn vốn đầu tư công, hỗ trợ các nội dung theo thẩm quyền đối với các hợp tác xã, doanh nghiệp vừa và nhỏ tham gia phát triển sản phẩm OCOP

- Hướng dẫn thực hiện thủ tục lập dự án đầu tư, đăng ký kinh doanh, thành lập doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, phát triển sản phẩm OCOP.

3. Sở Công Thương

- Phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan hỗ trợ các tổ chức kinh tế phát triển sản phẩm, nâng cao năng lực tiếp cận thị trường; lồng ghép, ưu tiên hỗ trợ các chủ thể OCOP ứng dụng công nghệ, máy móc thiết bị từ nguồn khuyến công.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, các địa phương đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm OCOP tại các sự kiện trong và ngoài tỉnh, hình thành các điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP tại các khu vực đông dân cư, khu vực phát triển du lịch, trung tâm thương mại; hướng dẫn, hỗ trợ các chủ thể tham gia tập huấn kỹ năng bán hàng trực tuyến, quảng bá, giới thiệu sản phẩm trên sàn thương mại điện tử. Tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác xúc tiến thương mại sản phẩm trong Chương trình OCOP và kế hoạch xúc tiến thương mại hàng năm.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở, ngành, đơn vị liên quan trong tổ chức các kỳ đánh giá và phân hạng sản phẩm OCOP.

4. Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh

- Tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng về xúc tiến thương mại, phát triển thị trường, ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số trong hoạt động quảng bá, tiêu thụ sản phẩm OCOP.

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Công Thương và các đơn vị liên quan trong việc hỗ trợ các chủ thể OCOP có sản phẩm đạt OCOP 3 sao - 5 sao của tỉnh tham gia các hoạt động quảng bá, giới thiệu, xúc tiến thương mại trên thị trường trong và ngoài nước (nếu có), đặc biệt là các thị trường tiềm năng.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

- Hỗ trợ, hướng dẫn, tạo điều kiện cho các chủ thể phát triển sản phẩm OCOP việc đăng ký nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, mẫu mã bao bì, kiểu dáng công nghiệp sản phẩm; đăng ký mã số, mã vạch sản phẩm; hướng dẫn tiêu chuẩn hóa, đăng ký công bố chất lượng sản phẩm theo thẩm quyền; xử lý các hành vi vi phạm về sở hữu công nghiệp, ghi nhãn hàng hóa, sản phẩm theo thẩm quyền.

- Phối hợp với các sở, ngành, địa phương hỗ trợ các tổ chức kinh tế đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ trong phát triển sản xuất sản phẩm thuộc Chương trình OCOP.

- Tổng hợp đề xuất nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hàng năm liên quan đến phát triển sản phẩm OCOP sử dụng lồng ghép nguồn vốn sự nghiệp khoa học và công nghệ cấp tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, triển khai thực hiện theo quy định.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở, ngành, đơn vị liên quan trong tổ chức các kỳ đánh giá và phân hạng sản phẩm OCOP.

6. Sở Y tế

- Hướng dẫn, hỗ trợ các chủ thể OCOP thực hiện các thủ tục, yêu cầu về an toàn vệ sinh thực phẩm, công bố chất lượng sản phẩm, đáp ứng các yêu cầu khác theo quy định về thuốc y học cổ truyền, dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm thuộc thẩm quyền Sở Y tế quản lý.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở, ngành, đơn vị liên quan trong tổ chức các kỳ đánh giá và phân hạng sản phẩm OCOP.

7. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Hướng dẫn, hỗ trợ tổ chức kinh tế, cộng đồng nghiên cứu lồng ghép phát triển, quảng bá, kết nối các sản phẩm dịch vụ du lịch gắn với du lịch nông thôn, cộng đồng trên cơ sở phát huy thế mạnh về danh lam thắng cảnh, truyền thống văn hóa, ẩm thực, sản vật của các địa phương.

- Phối hợp triển khai công tác tuyên truyền, quảng bá và phát triển sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở, ngành, đơn vị liên quan trong tổ chức các kỳ đánh giá và phân hạng sản phẩm OCOP.

8. Sở Dân tộc và Tôn giáo

Hỗ trợ, lồng ghép thực hiện các chương trình, đề án, dự án, chính sách cho các chủ thể tham gia phát triển sản phẩm OCOP thuộc đối tượng của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

9. Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi, Trang thông tin điện tử của UBND các cấp

- Tổ chức đăng tải thông tin tuyên truyền về nội dung, mục đích, ý nghĩa của Chương trình OCOP, phản ánh kịp thời những cách làm hay, những sản phẩm được thị trường ưa chuộng.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức đưa tin, bài về các hoạt động, quá trình, kết quả thực hiện Kế hoạch; hỗ trợ chủ thể quảng bá sản phẩm OCOP.

10. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; Liên minh hợp tác xã tỉnh

- Hỗ trợ các nội dung phát triển sản phẩm OCOP theo chức năng, nhiệm vụ được giao; tăng cường tuyên truyền, vận động hợp tác xã, các hội viên tích cực tham gia phát triển sản phẩm OCOP; kịp thời thông tin đến cơ quan chức năng những tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm về sản xuất sản phẩm không an toàn để xử lý theo quy định của pháp luật.

- Tăng cường công tác giám sát của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội trong quá trình triển khai Chương trình OCOP, bảo đảm công khai, minh bạch, đúng mục tiêu, đúng đối tượng thụ hưởng.

11. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Quảng Ngãi

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở, ngành có liên quan xây dựng Đề án tín dụng chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất và mở rộng đối tượng cho vay, tạo điều kiện thuận lợi để các chủ thể tham gia Chương trình được vay vốn đầu tư, gia tăng năng lực sản xuất, chế biến, kinh doanh sản phẩm OCOP từ ngân sách địa phương trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Tích cực hỗ trợ chủ thể OCOP tiếp cận nguồn vốn vay các Chương trình tín dụng chính sách phù hợp với từng đối tượng thụ hưởng theo quy định hiện hành của Chính phủ.

12. UBND các xã, phường, đặc khu

Là cơ quan đóng vai trò trực tiếp triển khai Chương trình OCOP với những nhiệm vụ chính sau:

- Căn cứ nội dung Chương trình OCOP được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, tùy điều kiện, đặc điểm cụ thể, các địa phương xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình OCOP giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035 gắn với lộ trình xây dựng nông thôn mới và kế hoạch hàng năm trên địa bàn; Bố trí nguồn lực từ ngân sách địa phương, lồng ghép các chương trình, dự án để thực hiện Chương trình OCOP giai đoạn 2026-2030 và hàng năm.

- Tăng cường công tác tuyên truyền cho các tổ chức kinh tế, người dân về ý nghĩa, các chính sách hỗ trợ của Chương trình OCOP, tích cực hỗ trợ, tư vấn cho các tổ chức kinh tế chuẩn bị hồ sơ, tài liệu tham gia Chương trình OCOP.

- Trực tiếp triển khai các hoạt động của Chương trình OCOP ở địa phương theo hướng có trọng tâm, trọng điểm, trong đó tập trung phát triển sản phẩm OCOP gắn với lợi thế, đặc trưng, thế mạnh của địa phương về các sản phẩm đặc sản, làng nghề truyền thống, dịch vụ du lịch nông thôn; phát huy giá trị tài nguyên và tri thức bản địa, văn hóa truyền thống của địa phương; Có các giải pháp thúc đẩy nâng cao chất lượng sản phẩm, phát triển chuỗi giá trị sản phẩm OCOP gắn với xây dựng vùng nguyên liệu địa phương theo hướng bền vững; phát triển thương hiệu sản phẩm; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong sản xuất, chế biến và thương mại; ưu tiên phát triển các hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa; thúc đẩy khởi nghiệp gắn với OCOP cho thanh niên, phụ nữ, đồng bào dân tộc thiểu số, người khuyết tật (nếu có).

- Giao Phòng Kinh tế/Phòng kinh tế hạ tầng và Đô thị chủ trì, phối hợp với các phòng chuyên môn tại địa phương rà soát các sản phẩm tiềm năng và hướng dẫn các chủ thể đăng ký tham gia Chương trình OCOP; Phối hợp với tổ chức/chuyên gia tư vấn OCOP để hướng dẫn, hỗ trợ các chủ thể xây dựng phương án kinh doanh; Hỗ trợ các chủ thể sản phẩm đẩy nhanh tiến độ triển khai các phương án kinh doanh, hoàn thiện sản phẩm OCOP và tổ chức đào tạo nghề, nâng cao năng lực tay nghề lao động nông thôn.

- Tổ chức đánh giá một số nội dung của Hồ sơ sản phẩm đăng ký tham gia đánh giá sản phẩm OCOP, bao gồm các tiêu chí sau: nguồn gốc sản phẩm/nguyên liệu địa phương; sử dụng lao động địa phương; nguồn gốc ý tưởng sản phẩm; bản sắc/trí tuệ địa phương; căn cứ vào điều kiện và đặc điểm thực tế của địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức họp với các bộ phận liên quan để lấy ý kiến về các nội dung đánh giá, sau đó ban hành Báo cáo đánh giá của Ủy ban nhân dân cấp xã về các tiêu chí trên;

- Tiếp nhận, kiểm tra thể thức hồ sơ do các chủ thể đăng ký và có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đánh giá, phân hạng các sản phẩm trên địa bàn.

- Tiếp nhận thông báo về kết quả đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP của tỉnh; trao đổi với các chủ thể về kết quả và xây dựng kế hoạch hỗ trợ tiếp theo (nếu cần thiết).

- Tăng cường công tác hỗ trợ xúc tiến thương mại, quảng bá, giới thiệu sản phẩm OCOP trên địa bàn, đồng thời nghiêm túc triển khai thực hiện việc kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả triển khai Chương trình OCOP để kịp thời xử lý những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

13. Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ sản xuất kinh doanh (gọi chung là chủ thể sản xuất)

- Chủ động xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh phát triển sản phẩm, đẩy mạnh liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, áp dụng quy trình sản xuất, quản lý chất lượng tiên tiến theo hướng Organic, GlobalGAP, GMP, VietGAP, ISO,..

- Duy trì, tiêu chuẩn hóa, nâng hạng sản phẩm OCOP, đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại và tiêu thụ sản phẩm, sử dụng nhãn mác, logo, biểu trưng OCOP theo quy định; Khuyến khích, ưu tiên sử dụng nguồn nguyên liệu và lao động tại địa phương, tạo việc làm, thu hút lao động, thúc đẩy phát triển sản xuất, tăng thu nhập cho lao động nông thôn, góp phần nâng cao đời sống.

Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương tổng hợp gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường để rà soát và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện kịp thời./.

Nơi nhận:
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (B/c);
- Văn phòng Điều phối NTM Trung ương (B/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (B/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (B/c);
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh Đỗ Tâm Hiển;
- Các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Công Thương, Khoa học và Công nghệ, Y tế, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Dân tộc và Tôn giáo;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; Liên minh hợp tác xã tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi;
- Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Trung tâm XTĐT, Thương mại và Du Lịch tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh:
+ *CVP, PCVP-Nguyễn Đăng Trình;*
+ *Cổng Thông tin điện tử tỉnh;*
- Lưu: VT, NNMT.NTBT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Đỗ Tâm Hiển